

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HS-PT

Ngày: 07-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Phạm Tiến Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 88/2024/TLPT - HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn S, sinh năm 1981 tại Bình Phước; nơi cư trú: Tổ E, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công chức xã; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1942; có vợ là Đồng Thị Diệu H, sinh năm 1983; có 02 con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07/09/2016 Nguyễn Văn S được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước ký Quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức vụ Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự xã T. Với vai trò Chỉ huy trưởng Nguyễn Văn S có nhiệm vụ Tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã, lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cấp xã theo quy định của pháp luật; Hằng năm sau khi nhận được quyết định giao chỉ tiêu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy (Sau đây viết tắt là BCH) Quân sự huyện xây dựng kế hoạch ban hành quyết định giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng cho BCH Quân sự xã T, trong đó có chỉ tiêu những người giữ chức danh Tiểu đội trưởng dân quân cơ động xã; BCH Quân sự xã T là đơn vị quản lý trực tiếp các Tiểu đội trưởng nên để thực hiện các chế độ phụ cấp cho các Tiểu đội trưởng BCH Quân sự xã có trách nhiệm cung cấp danh sách và kèm theo các quyết định bổ nhiệm Tiểu đội trưởng được nhận tiền phụ cấp đến kế toán của UBND xã để kế toán lập hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND xã ký duyệt chi. Việc cung cấp danh sách và các Quyết định bổ nhiệm Tiểu đội trưởng cho kế toán để thực hiện việc chi các chế độ có liên quan đến các Tiểu đội trưởng là trách nhiệm của Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã, bộ phận kế toán chỉ có trách nhiệm rà soát khớp giữa danh sách và Quyết định bổ nhiệm do BCH Quân sự xã cung cấp để thực hiện việc chi tiền phụ cấp cho các tiểu đội trưởng.

Sau khi Nguyễn Văn S được bổ nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã, S cung cấp danh sách các Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ xã đã được lập và đã được nhận tiền phụ cấp trước đó để cung cấp cho kế toán của UBND xã tham mưu Chủ tịch UBND xã duyệt chi cấp tiền phụ cấp trách nhiệm cho Tiểu đội trưởng. Do tin tưởng S nên kế toán đã không yêu cầu S cung cấp các quyết định bổ nhiệm của các Tiểu đội trưởng mà sử dụng danh sách do S cung cấp để tiếp tục lập hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND xã ký duyệt chi tiền phụ cấp trách nhiệm cho các Tiểu đội trưởng theo quy định. Sau khi được Chủ tịch UBND xã ký duyệt kinh phí chi, kế toán sẽ chuyển hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước huyện H để tiếp tục thẩm định danh mục chi. Khi Kho bạc Nhà nước huyện H thẩm định danh mục chi đúng quy định của pháp luật thì Kho bạc duyệt chi, kế toán của UBND xã tiến hành rút tiền nguồn ngân sách Nhà nước từ Kho bạc thông qua Ngân hàng thương mại trong đó có tiền phụ cấp của các Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ. Do Nguyễn Văn S là người trực tiếp quản lý các Tiểu đội trưởng và các Tiểu đội trưởng không phải là người công tác thường xuyên và không trong hệ thống chi trả tiền lương định kỳ hằng tháng của UBND xã mà là những người hoạt động không chuyên trách tại các ấp, sóc nên để thuận tiện cho việc cấp phát tiền phụ cấp cho các Tiểu đội trưởng, kế toán của UBND xã đã giao toàn bộ số tiền phụ cấp của các Tiểu đội trưởng cho Nguyễn Văn S cấp phát theo quy ước là 03 tháng một lần. Tuy nhiên, khi nhận được tiền phụ cấp của các Tiểu đội trưởng thì S chỉ cấp phát tiền phụ cấp cho 02 Tiểu đội trưởng là dân quân tự vệ thường trực tại xã là Nguyễn Minh T1 và Điều Do S còn lại những Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ ở các ấp, Sóc không làm việc tại UBND xã thì S không cấp phát mà chiếm đoạt số tiền đó để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Căn cứ kết quả thu thập tài liệu lưu trữ của UBND xã T và Ban chỉ huy Quân sự huyện H xác định: Trong thời gian từ Quý III/2016 đến Quý I/2021, có 10 người có tên trong danh sách nhận tiền phụ cấp nhưng không có Quyết định bổ nhiệm Tiểu đội trưởng dân quân xã T. Theo Công văn số: 1574/BCH - TM, ngày 09/11/2023, của Ban chỉ huy Quân sự huyện H thì trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019 thì Ban CHQS xã T không đề nghị BCH Quân sự huyện H miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ Tiểu đội trưởng dân quân xã T, đến năm 2020, 2021 theo đề nghị của Chỉ huy trưởng ban CHQS xã T, BCH Quân sự huyện H đã ra Quyết định miễn nhiệm 04 chức danh Tiểu đội trưởng và bổ nhiệm thêm 8 chức vụ Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ xã T tại các ấp, Sóc.

Qua quá trình điều tra xác định: Trong khoảng thời gian giữ chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự xã T từ Quý III/2016 đến Quý IV/2022, Nguyễn Văn S đã nhận tiền phụ cấp của các Tiểu đội trưởng từ UBND xã nhưng không cấp phát mà chiếm đoạt số tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân cụ thể như sau:

- Năm 2016: 6.900.000 đồng.

- + Quý III: 10 người x 345.000 đồng = 3.450.000 đồng.

- + Quý IV: 10 người x 345.000 đồng = 3.450.000 đồng.

(Tất cả đều không có quyết định bổ nhiệm tiểu đội trưởng của BCH Quân sự huyện H).

- Năm 2017: 11.160.000 đồng.

- + Quý I: 10 người x 363.000 đồng = 3.630.000 đồng.

- + Quý II: 10 người x 363.000 đồng = 3.630.000 đồng.

- + Quý III: 10 người x 390.000 đồng = 3.900.000 đồng.

(Tất cả đều không có quyết định bổ nhiệm tiểu đội trưởng của BCH Quân sự huyện H).

- + Quý IV: do chứng từ kế toán bị thất lạc nên không xác định được số tiền phụ cấp tiểu đội trưởng đã cấp phát.

- Năm 2018: 16.140.000 đồng.

- + Quý I: 10 người x 390.000 đồng = 3.900.000 đồng.

- + Quý II: 10 người x 390.000 đồng = 3.900.000 đồng.

- + Quý III: 10 người x 417.000 đồng = 4.170.000 đồng.

- + Quý IV: 10 người x 417.000 đồng = 4.170.000 đồng.

(Tất cả các Tiểu đội trưởng đều không có quyết định bổ nhiệm tiểu đội trưởng của BCH Quân sự huyện H).

- Năm 2019: 17.880.000 đồng.

- + Quý I: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

+ Quý II: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

+ Quý III: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

+ Quý IV: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

(Tất cả các Tiểu đội trưởng đều không có quyết định bổ nhiệm tiểu đội trưởng của BCH Quân sự huyện H).

- Năm 2020: 17.880.000 đồng.

+ Quý I: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

+ Quý II: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

+ Quý III: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

+ Quý IV: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

(Tất cả các Tiểu đội trưởng đều không có quyết định bổ nhiệm tiểu đội trưởng của BCH Quân sự huyện H).

- Năm 2021: 17.880.000 đồng.

+ Quý I: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

(Các Tiểu đội trưởng đều không có quyết định bổ nhiệm tiểu đội trưởng của BCH Quân sự huyện H).

+ Quý II, Quý III (cấp phát gộp 2 quý): 10 người x 894.000 đ = 8.940.000 đồng.

+ Quý IV: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

(Có Quyết định bổ nhiệm Tiểu đội trưởng; Trong 10 người thì chỉ có 02 người được Nguyễn Văn S cấp phát tiền phụ cấp là Điều Do S và Nguyễn Minh T1 với tổng số tiền là: 447.000 đồng x 2 = 894.000 đồng).

- Năm 2022: 17.880.000 đồng.

+ Quý I: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

+ Quý II: 10 người x 447.000 đồng = 4.470.000 đồng.

+ Quý III, Quý IV (cấp phát gộp 2 quý): 10 người x 894.000 đồng = 8.940.000 đồng. (Các Tiểu đội trưởng có Quyết định bổ nhiệm; Trong 10 người trong danh sách thì có chỉ 02 người được Nguyễn Văn S cấp phát tiền phụ cấp là Điều Do S và Nguyễn Minh T1 với tổng số tiền là: 447.000 đồng x 8 = 3.576.000 đ).

Như vậy tổng số tiền mà Nguyễn Văn S đã chiếm đoạt là: 105.120.000 đồng - 4.470.000 đồng (là số tiền phụ cấp mà Nguyễn Minh T1 và Điều Do S được nhận) = 100.650.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S hình phạt 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/7/2024 bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Nếu trường hợp không được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ thì xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, cụ thể:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Do vụ lợi cá nhân nên trong thời gian được bổ nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự xã T, Nguyễn Văn S đã lợi dụng vị trí công tác lập danh sách đề nghị BCH Quân sự huyện H bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ tại các ấp, sóc. Khi được BCH Quân sự huyện H bổ nhiệm các Tiểu đội trưởng, S không thông báo cho những người được bổ nhiệm biết là mình được bổ nhiệm chức vụ tiểu đội trưởng và được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật. Sau đó, bị cáo cung cấp danh sách các Tiểu đội trưởng đề nghị bộ phận kế toán UBND xã T tham mưu Chủ tịch UBND xã T duyệt chi tiền phụ cấp cho các Tiểu đội trưởng. Trong khoảng thời gian từ tháng

9/2016 đến năm 2022, bị cáo đã trực tiếp nhận tiền phụ cấp của các Tiểu đội trưởng thuộc BCH Quân sự xã T nhưng không cấp phát mà chiếm đoạt số tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, với số tiền là 100.650.000 đồng (Một trăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, HĐXX xét thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại; quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen của Nhà nước; gia đình có công với cách mạng; bị cáo hiện không có công việc ổn định là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên sau khi xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo có cơ hội được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có thu nhập thấp, không ổn định; là lao động chính trong gia đình nên bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận yêu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S về việc xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm cải tạo không giam giữ; thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện H, tỉnh Bình Phước nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn S không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA huyện H;
- CQTHAHS CA huyện H;
- CQĐT CA huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T, huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga